

## Bài báo nghiên cứu

**DIỄN NGÔN VỀ BẢN SẮC ĐÔ THỊ SÀI GÒN  
TRONG KÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 25 NĂM ĐẦU THẾ KỈ XXI****Phạm Thị Thùy Trang\*, Đàm Anh Thư***Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**\*Tác giả liên hệ: Phạm Thị Thùy Trang – Email: [trangptt@hcmue.edu.vn](mailto:trangptt@hcmue.edu.vn)**Ngày nhận bài: 18-3-2026; ngày nhận bài sửa: 09-4-2026; ngày duyệt đăng: 25-5-2026***TÓM TẮT**

*Bài viết khám phá quá trình kiến tạo bản sắc đô thị Sài Gòn thông qua lăng kính diễn ngôn trong các tác phẩm kí Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) giai đoạn 25 năm đầu thế kỉ XXI. Dựa trên nền tảng lí thuyết của Michel Foucault, nghiên cứu giải mã cách thức các tác phẩm này vận hành như một hệ thống diễn ngôn diễn giải hiện thực và định hình căn tính nơi chốn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra sự chuyển hóa giữa các di sản kiến trúc đầy hoài niệm và cảnh quan hiện đại, vai trò then chốt của mạng lưới không gian sinh hoạt cộng đồng, sự xuất hiện của các “không gian phi nơi chốn”. Về phương diện con người, các diễn ngôn trong kí đã kiến tạo nên một căn tính mở dựa trên sự dung hợp giữa tinh thần nghĩa hiệp truyền thống và tư duy thực tiễn Nam Bộ. Qua đó, chúng vừa tôn vinh sức mạnh chuyển hóa cộng đồng qua các giá trị nhân văn, vừa bóc tách những sự gián cách về mặt văn hoá trong lòng xã hội công nghiệp. Bài viết cho thấy rằng các tác phẩm kí không chỉ thực hiện sứ mệnh bảo tồn di sản mà còn xác lập điểm tựa căn tính vững chãi, giúp chủ thể đô thị định vị bản thân một cách bản lĩnh và nhân văn trong kỉ nguyên hiện đại hóa đầy biến động.*

**Từ khóa:** diễn ngôn; Thành phố Hồ Chí Minh; thể loại kí; Sài Gòn; bản sắc đô thị

**1. Đặt vấn đề**

Trong nghiên cứu văn học hiện nay, khái niệm diễn ngôn mang đến một hướng tiếp cận đa chiều, trong đó trọng tâm cốt lõi là việc khám phá cách thức chủ thể kiến tạo, định hình và diễn giải hiện thực thông qua mạng lưới quyền lực và tri thức. Diễn ngôn theo định hướng văn hóa – xã hội học của Michel Foucault cho thấy hiện thực không tồn tại khách quan một cách độc lập mà được kiến tạo qua các cơ chế điều phối phía sau ngôn từ, là “một thực tiễn được quy định dẫn đến một số nhận định” (Mills, 1997, p.7). Đồng thời, diễn ngôn là một phương tiện biểu đạt hiện thực mang định hướng tác động mạnh mẽ trở lại thế giới thực: “tất cả các phát ngôn/văn bản mang ý nghĩa và có một tác dụng nhất định trong thế giới thực, đều được coi là diễn ngôn” (Mills, 1997, p.7). Bản thân diễn ngôn văn học chính là sự biểu đạt trọn vẹn mối quan hệ giữa ngôn từ, khung tri thức và quyền lực. Chính vì thế,

---

**Cite this article as:** Pham, T. T. T., & Dam, A. T. (2026). Discourse on saigon’s urban identity in Ho Chi Minh City kí during the first 25 years of the 21st century. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(5), 1135-1147. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.5.5644\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.5.5644(2026))

phân tích diễn ngôn trong văn học thực chất là quá trình giải mã sự tương tác phức tạp giữa tác phẩm, khung tri thức và các thiết chế quyền lực, từ đó làm bật lên tư tưởng và lịch sử của thời đại mà đối tượng văn học đó được sản sinh.

Đô thị không chỉ là một không gian sinh tồn thuần túy mà còn là một thực thể phức hợp hội tụ và phản chiếu sâu sắc mối quan hệ đa diện giữa con người và nơi chốn. Dưới góc nhìn nghiên cứu không gian, đô thị được định nghĩa là một khu vực bao hàm các đặc điểm vật lý đan xen với những động lực xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị. Nhìn nhận một cách tổng quan, bản sắc văn hoá đô thị là một cấu trúc năng động và không ngừng tiến hóa, xuất hiện từ sự tương tác liên tục giữa hình thức vật lý của một thành phố với các động lực văn hóa – xã hội của nó, qua đó tạo nên những đặc điểm phân biệt làm cho cảnh quan đô thị ấy trở nên độc đáo và mang đậm dấu ấn của cộng đồng cư trú.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi tập trung khảo sát kí, một loại hình văn chương đặc biệt giao thoa giữa văn học phi hư cấu và văn học hư cấu. Sự phân loại kí khá đa dạng, bao gồm các thể như: phóng sự, kí sự, hồi kí, nhật kí, du kí, tùy bút, tản văn (tạp bút)... Các tác phẩm kí của văn học TPHCM trong 25 năm đầu thế kỉ XXI đã khẳng định vị trí quan trọng trong việc nhận diện và kiến tạo bản sắc văn hóa đô thị Sài Gòn thông qua lăng kính cá nhân đa dạng qua các tác phẩm kí của Phạm Công Luận, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Ngọc Hà, Mạc Can, Nguyễn Ngọc Tư, Nguyễn Ngọc Thạch, Tống Phước Bảo... Nhìn chung, bằng sự tự do biểu đạt, các tác phẩm này đã có những đóng góp đáng ghi nhận khi không chỉ phản ánh bức tranh hiện thực hời hợt của một đô thị hiện đại, năng động mà còn kiến tạo một không gian tinh thần đô thị Sài Gòn bao dung, nghĩa tình gắn với những hoài niệm nhân sinh sâu sắc.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. *Diễn ngôn về không gian đô thị: Sự đối thoại giữa di sản hoài niệm và cảnh quan hiện đại***

Từ góc độ diễn ngôn, không gian là những sinh thể có khả năng cất tiếng nói. Bản thân cấu trúc, sự sắp xếp không gian, các hoạt động diễn ra trong không gian đó... đều mang tính kiến tạo nên diện mạo của không gian và cả cách con người nhận thức về không gian. Trong các tác phẩm kí, đường phố Sài Gòn xưa và những di sản kiến trúc được tái hiện như những tọa độ kí ức giữa dòng chảy hiện đại, đóng vai trò như những trụ cột thời gian trong việc định hình diện mạo lịch sử và kiến tạo căn tính đô thị bền vững giữa dòng chảy hiện đại hóa mãnh liệt của thời kì đổi mới và hội nhập. Trước hết, hệ thống đường phố tại đây không chỉ đảm đương chức năng hạ tầng giao thông thuần túy mà đã chuyển hóa thành những “văn bản” địa văn hóa sống động, mang đậm dấu ấn nhân văn và tính chất thực hành văn hóa. Các trục đường huyết mạch tại khu vực trung tâm như Đồng Khởi, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... được nhận diện như những dấu ấn lịch sử sâu sắc, nơi lưu trữ và bảo tồn căn tính đặc trưng của một Hòn ngọc Viễn Đông trong tâm thức cộng đồng qua nhiều thế hệ. Việc sử dụng linh hoạt và đan xen giữa tên đường cũ và mới trong nhiều sáng tác kí tiêu biểu của Phạm Công Luận, Lê Văn Nghĩa, Nguyễn Ngọc Hà... không đơn thuần là hành động hoài cổ cảm tính

mà thực chất là một sự định vị bản sắc và xác lập thẩm quyền lịch sử lâu dài thuộc về cư dân đô thị trước những biến động không ngừng của quá trình quy hoạch. Lê Văn Nghĩa nhận định: “Đối với lịch sử, cái tên chính là những mảnh quặng lâu lâu mới được khai đào. Có tên còn sót lại, có tên đã mất đi, nhưng dầu sao nó vẫn là một phần không phai nhạt của quá khứ. [...] Vùng quá khứ kiến trúc – định hình một gương mặt, một linh hồn của thành phố còn lại những gì? Chỉ có hơn 300 năm tuổi một chút mà đã mất đi quá nhiều” (Le, 2021, p.54). Song hành cùng với những con đường đi cùng năm tháng, các công trình kiến trúc thời kỳ Pháp thuộc được xem là những “nhân chứng đá” bền bỉ. Sự hiện diện của các biểu tượng kinh điển như Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện Thành phố, Dinh Độc Lập hay các khu cư xá cổ kính đã trở thành những tọa độ kí ức không thể thay thế, nơi kí ức cá nhân hòa quyện vào dòng chảy kí ức tập thể để tạo nên sức sống nội sinh cho linh hồn đô thị. Liêu Hà Trinh trong *Thăm phố* đã bày tỏ niềm thương cảm: “Đôi khi ngồi giữa đại lộ, bạn tự hỏi Nhà thờ Đức Bà, Bưu điện trung tâm, Ủy ban Nhân dân Thành phố, Bitexco, Landmark, phố đi bộ Nguyễn Huệ... đã chứng kiến bao mối tình, bao sự hi sinh và bao lần đi ở?” (Lieu, 2021, p.245). Tuy nhiên, khi đối diện với sự biến mất của những không gian biểu tượng mang tính di sản như Thương xá Tax hay khu Eden, kí TPHCM đã bộc lộ rõ nét tâm thế trân trọng và sự phản kháng quyết liệt đối với tiến trình “vô danh hóa” đô thị – một xu thế san phẳng các dấu tích lịch sử để nhường chỗ cho sự hiện đại hóa thiếu bản sắc. Nguyễn Ngọc Hà ghi lại tâm thế đau đớn khi các nơi chốn đong đầy kí ức của thành phố bị phá bỏ: “Crystal Palace (còn gọi là thương xá Tam Đa) được đổi thành Trung tâm Thương mại Quốc tế và đã cháy rụi vào năm 2001. Passage Eden đã bị giựt sập để chuẩn bị xây mới. Trần Nhã Thụy từng viết trong một tản văn: “Sài Gòn như một thành phố KHÔNG KÍ ỨC. (...) Khi những nơi chốn trở thành kí ức, tất cả như máu thịt. Nơi chốn đó bị phá bỏ dù để phục vụ cho mục đích phát triển thì cũng như máu thịt bị cắt đi... Đau vô cùng!” (Nguyen, 2017, pp.12-13). Thông qua đó, các tác giả đã khẳng định mạnh mẽ rằng kiến trúc và đường phố chính là những chứng nhân văn hóa sống động giúp bảo tồn kí ức cộng đồng, ngăn chặn sự đứt gãy căn tính văn hóa giữa các thế hệ cư dân trong bối cảnh toàn cầu hóa đương đại ở thành phố này.

Dan xen trong những không gian di sản mang đậm dấu ấn của lịch sử là sự hiện hữu của những không gian hiện đại và các “không gian phi nơi chốn” phản ánh một thực tại kép đầy mâu thuẫn trong tiến trình chuyển mình của TPHCM thành một siêu đô thị đầu thế kỉ XXI. “Không gian phi nơi chốn” là một khái niệm lí luận then chốt của Marc Augé dùng để chỉ những địa điểm chỉ mang tính trung chuyển, nhất thời, “một không gian không mang tính quan hệ, không có tính lịch sử, cũng không liên quan đến bản sắc sẽ là một không gian phi nơi chốn” (Augé, 1995, pp.77-78). Trước hết, sự trỗi dậy mãnh liệt của các cấu trúc không gian mới mang tính biểu tượng như các đại lộ Võ Văn Kiệt, Phạm Văn Đồng, các tòa tháp chọc trời như Bitexco hay Landmark 81, đã trở thành những minh chứng sống động cho một diện mạo hiện đại, tinh hoa và đầy kiêu hãnh của thành phố năng động và hội nhập. Tác giả Gia Bin trong *Phố của thời ta trẻ* đã nhận xét về sự hiện diện bao trùm của kiến trúc mới: “Mà chẳng ai bắt ngờ khi ngỡ đã đi thật xa rồi mà vẫn thấy tòa Bitexco ngay bên phải mình”

(Gia, 2021, p.275). Tuy nhiên, dưới góc độ xã hội học, quá trình hiện đại hóa này đồng thời dẫn đến sự xâm lấn rộng khắp của các “không gian phi nơi chốn”. Đó là sự xuất hiện dày đặc của các tổ hợp trung tâm thương mại cao cấp, các hệ thống cửa hàng tiện lợi, những khu đô thị mới hiện đại, nơi con người có thể tìm thấy sự thoải mái và tiện lợi nhưng lại mất đi tính kết nối với nơi chốn, do đó nơi chốn không còn mang linh hồn mà trở thành những thực thể vô danh tính. Lê Văn Nghĩa đã đặt ra câu hỏi đầy suy tư trước sự thay đổi của các tiện ích công cộng: “Không lẽ tuổi thơ bây giờ không khoái ăn bánh phồng trướng kẹo khi có quá nhiều loại kẹo công nghiệp bán đầy trong các cửa hàng tiện lợi? Rồi mấy chị Mạch Nha sẽ bán cái gì, hời phà oi?” (Le, 2025, p.160). Thậm chí, con người rơi vào cảm giác cô độc, lạc lõng đến cực hạn ngay giữa những không gian vô danh tính, nơi thiếu vắng mọi sự kết nối lịch sử và chiều sâu tình cảm dù được bao bọc bởi sự tiện nghi: “Tháng ngày còn đó vẫn qua như mây trôi, như cơn gió thoảng, như mùa lá rụng, như vạt nắng qua thềm, rồi để tôi nhớ Sài Gòn đến quất quay, đến nhói lòng... Tôi vẫn lạc lõng, vẫn cô đơn nơi miền đất lạ” (Nguyen, 2025, p.144). Sự đứt gãy về tâm thức này minh chứng cho hệ quả tất yếu của quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh và dồn dập, khi quy mô hạ tầng vật chất phát triển quá nhanh so với khả năng duy trì các giá trị tinh thần nội sinh của một đô thị giàu truyền thống, biến con người thành những lữ khách cô đơn ngay trong chính không gian thành phố quen thuộc của mình.

Các tác phẩm kí của văn học TPHCM còn thường đề cập đến những không gian như chợ, vỉa hè, hẻm gắn với hình ảnh những gánh hàng rong. Chợ, vỉa hè, hẻm và hàng rong đã tạo thành một hệ sinh thái không gian cốt lõi nơi bản sắc Sài Gòn – TPHCM bộc lộ một cách sống động nhất. Hệ sinh thái không gian ở đây được hiểu là mạng lưới các không gian và hoạt động diễn ra trong đời sống phố thị hàng ngày, giản dị nhưng sôi động và thiết thực, nơi sự tương tác giữa chủ thể con người và môi trường sống đạt mức độ trực tiếp nhất. Trước hết là hệ thống chợ truyền thống, từ các biểu tượng kiến trúc như Bến Thành, Chợ Lớn đến mạng lưới chợ dân sinh len lỏi trong từng khu phố, được lãng kính của kí nhận diện như những bảo tàng sống của căn tính đô thị. Đây không đơn thuần là không gian giao thương vật chất mà còn là không gian thực hành văn hóa, phản chiếu trọn vẹn tính cách “mở”, phong thái hào sảng và năng động của cư dân thành phố. Lê Ngọc trong *Niềm kiêu hãnh trong trái tim cô gái Sài Gòn chính hiệu* đã tái hiện đầy sức sống hình ảnh chợ Bến Thành: “Ngôi chợ còn ra đời trước cả bà tôi, là một trong những biểu tượng của thành phố, chắc chắn đã trải qua nhiều mốc thời gian đặc biệt không kém gì bà” (Le, 2021, p.178). Nguyễn Tiến Niệm cũng khẳng định giá trị của khu vực Chợ Lớn: “Tôi cho rằng khu Chợ Lớn của người Hoa ở Sài Gòn mới là một trong những phố Tàu lớn nhất thế giới, sầm uất nhất và cũng có những ngôi chùa cổ, những hội quán xưa thuộc loại đẹp nhất, những khu phố lồng đèn, bán chim cá cảnh, phố ẩm thực hấp dẫn tất cả những du khách nào đến đây dù chỉ một lần” (Nguyen 2025, p.174). Tiếp nối mạch sống đó, không gian vỉa hè và các loại hình hàng rong đã thực hiện biến đời sống thường nhật thành một không gian kết nối linh hoạt, nơi con người thoải mái trở thành một phần của không gian công cộng xã hội. “Cà phê, ăn sáng vỉa hè cũng là

nét văn hóa đặc trưng nơi đây” (Thai, 2021, p.249). Trong các diễn ngôn, hàng rong và những tiếng rao đã chuyển hóa thành một loại di sản âm thanh độc đáo, kiến tạo nên diện mạo đô thị đa âm sắc và giàu tính nhân bản. Không rõ từ khi nào tiếng rao đã tạo nên diện mạo của phố Sài Gòn theo một cách rất riêng: “Chẳng biết từ bao giờ tiếng rao đã trở thành một phần của đời sống, của văn hóa đô thị... Cứ thế, tiếng rao như hồn của phố, vẫn mãi tồn tại trong cuộc sống hôm nay. Tôi thường gọi đó là tiếng thì thầm của phố” (Nguyen, 2025, p.170). Tiếng rao còn là lời nhắc nhở về sức sống trở lại trong thành phố sau những ngày im lìm vì đại dịch: “Tiếng rao bánh mì là tiếng rao còn sót lại để kết nối, để xác định cuộc sống, sự hiện diện của con người vẫn còn đó trong thành phố hiện đại nhưng im ắng vào những buổi sáng như trong mùa Covid” (Le, 2021, p.93). Còn tại không gian vỉa hè, diễn ngôn về sự nghĩa hiệp và tính thực tế của người phương Nam – kết tinh qua những bình trà đá miễn phí hay các quán cơm từ thiện – đã minh chứng cho một hình thái đạo đức đô thị đặc thù, nơi vốn xã hội được vận hành dựa trên lòng trắc ẩn và sự tin cậy lẫn nhau thay vì các quy tắc lạnh lùng của nền kinh tế thị trường. “Hôm nay Sài Gòn có khá nhiều bếp ăn tình thương, quán cơm nhân ái... Mỗi lần đi ngang qua những nơi đó, tôi lại bồi hồi nhớ hai bạn ngày xưa, nhớ cả bữa cơm toàn lê gim trong quán cơm xã hội mà tôi chỉ bước vào một lần trong đời” (Nguyen, 2017, p.70). Đặc biệt, hẻm nhỏ là một hình ảnh xuất hiện thường xuyên trong các tác phẩm kí viết về Sài Gòn – TPHCM. Hẻm sở hữu khả năng đặc biệt trong việc xóa nhòa các ranh giới về vùng miền, nguồn gốc và nghề nghiệp để thiết lập một hệ sinh thái cộng đồng chặt chẽ, tạo nên sự tương trợ hữu cơ giữa các cá nhân trong lòng đô thị rộng lớn. Lê Văn Nghĩa thậm chí còn xem hẻm là căn cứ xác định căn tính của người Sài Gòn: “Đã ở Sài Gòn, khi ra nước ngoài du lịch hay định cư nhiều người vẫn nói về những con đường hẻm của thành phố này như là một điểm để xác định người nói có phải là dân Sài Gòn chính cống...” (Le, 2025, p.170). Trong diễn ngôn của các tác phẩm kí, hẻm không chỉ là không gian cư trú vật lí mà còn là biểu tượng của sức sống bền bỉ, nơi tình làng nghĩa xóm trở thành một loại “kháng thể văn hóa” hữu hiệu: “Mỗi năm một lần vào dịp khoảng sau rằm tháng Chạp gần Tết, không cần hẹn trước, cả xóm bừng tỉnh giấc sáng vì tiếng ồn ào. Mặt trời vừa hửng, người trong xóm hò hét, gọi nhau khiêng hét đồ đạc ra sân, dọn dẹp tổng vệ sinh cả nhà” (Pham, 2022, p.81). Trong toàn bộ hệ sinh thái này, sự dung hòa giữa các không gian và tính chất cộng sinh bền vững đã tạo nên một chỉnh thể nhân văn độc đáo giúp Sài Gòn duy trì được linh hồn riêng giữa những biến đổi nhanh chóng và có phần dữ dội của quá trình đô thị hóa và toàn cầu hóa đương đại.

Nhìn chung, khi xây dựng diễn ngôn về không gian đô thị, các tác giả kí đã nhận một nghịch lí về sự biến đổi không gian của thành phố trước những biến đổi của lịch sử và thời đại. Thành phố không thể không thay đổi để thích ứng với quá trình hiện đại hóa đô thị và mở cửa hội nhập về kinh tế lẫn văn hóa, nhưng nó cũng có thể đánh mất bản sắc của chính mình. Nhận diện những đổi thay hay xung đột trong khi kiến tạo các diễn ngôn về không gian đô thị là cách các tác giả kí gửi gắm nỗi băn khoăn, sự chất vấn và đối thoại với những vấn đề giữ gìn và xây dựng bản sắc cho thành phố trong bối cảnh mới. Đây cũng là vấn đề

có ý nghĩa thời sự hiện nay khi các cấp chính quyền thành phố đang dành cho việc quy hoạch đô thị TPHCM theo hướng hài hòa giữa truyền thống và hiện đại một sự quan tâm sâu sắc, nghiêm túc.

## ***2.2. Diễn ngôn về căn tính cộng đồng: Sự dung hợp hàng số văn hóa và sức mạnh chuyển hóa cộng đồng***

Các tác phẩm viết về con người tại Sài Gòn – TPHCM giai đoạn 2000-2025 đã cho thấy một sự dịch chuyển rõ nét từ lối mô tả hiện thực đơn thuần sang việc kiến tạo các diễn ngôn về sự hòa hợp và chuyển hóa văn hóa. Những diễn ngôn này là một phương tiện kiến tạo tích cực, được chi phối sâu sắc bởi các nhận thức về lịch sử, xã hội và đặc biệt là hệ giá trị bản sắc cốt lõi của vùng đất phương Nam. Dưới lăng kính phân tích diễn ngôn, bản sắc con người Sài Gòn hiện lên như một thực thể động, liên tục được tái cấu trúc thông qua việc hóa giải các lần ranh khu biệt giữa “chủ thể bản địa” và “cộng đồng nhập cư”. Thành phố được diễn ngôn hóa như một không gian tổng hòa văn hóa điển hình, nơi những dòng chảy di cư không ngừng bồi đắp nên các lớp trầm tích mới cho căn tính đô thị. Căn nguyên của diễn ngôn về sự dung hợp này nằm ở nền tảng lịch sử - văn hóa đặc thù của vùng đất Gia Định xưa. Thị dân nguyên gốc Sài Gòn, xét về bản chất, vốn là những lưu dân Việt từ tứ xứ đổ về, chung sống cộng cư và giao thoa mật thiết với các cộng đồng bản địa như người Khmer, người Chăm và người Mạ. Sự đa sắc của cộng đồng dân cư được củng cố thêm bởi sự hiện diện của nhiều thế hệ người Hoa đến đây sinh sống. Đặc điểm nhân học này đã tạo nên một “cộng đồng dân cư đa sắc và trẻ trung của đất Gia Định, chủ yếu là người bình dân, không nhiều chất “quan quyền” hay “quý tộc”. Thêm vào đó, “người Pháp vào Sài Gòn từ năm 1859 đã thúc đẩy “công nghiệp hóa” và “quốc tế hóa” ở vùng đất này, sớm nhất trên cả nước” (Phuc, 2021, p.12) đã thúc đẩy sự xuất hiện của các đợt kiều dân Âu Mỹ, Ấn Độ, Mã Lai, Nhật Bản, tạo tiền đề cho một sự quản tụ dân cư đa dạng về nguồn gốc và bản sắc. Đến thế kỉ XXI, qua lăng kính của kí, người Sài Gòn được nhận diện là chủ thể tích hợp và thừa hưởng tinh túy văn hóa Việt Nam và quốc tế. Chính sự đa dạng về nguồn gốc này đã triệt tiêu các rào cản tôn ti phong kiến, tạo ra một diễn ngôn về căn tính mở (open identity) độc đáo. Tại đây, căn tính không được xác lập dựa trên sự chuyển hóa thành một thái độ sống cởi mở và tinh thần dần thân.

Diễn ngôn về sự phóng khoáng và dễ gần của con người nơi đây đã trở thành một “mã văn hóa” đặc thù. Thành phố có thể hiện lên trong kí ở dáng vẻ đông đúc, ồn ã, náo nhiệt của một đô thị luôn vận động không ngừng nghỉ với hệ thống giao thông chằng chịt “người xe nối đuôi nhau như mắc cửi. Thành phố dường như không ngủ bởi tiếng xe chạy cả ngày lẫn đêm (...)” (Thai, 2021, p.248), với “cái ồn ào náo nhiệt vẫn xuyên suốt đến tận khuya lác lõ” (Tong, 2022, p.49) và “với khói bụi ô nhiễm và ánh nắng gay gắt của Sài Gòn” (Nguyen, 2025, p.148). Nhưng dù mới đặt chân đến đây, người ta cũng vẫn có thể ngay lập tức cảm nhận được sự nhiệt tình của người xứ này vì “Lúc lạc đường cũng là lúc bạn nhận ra sự dễ gần, dễ thương và nhiệt tình của người xứ này. Chỉ cần bạn hỏi, sẽ có người chỉ đường. Chừng bạn vẫn “mất chữ A, mòm chữ O”, sẽ có người nhiệt tình dẫn đường cho bạn.

Đáp lại lời cảm ơn của bạn là nụ cười tươi rói và câu trả lời “hồng có chi” nghe thiệt dễ mến!” (Thai, 2021, p.248). Và ngay cả sự huyền ảo ngày đêm của thành phố cũng mang theo một phong vị rất riêng của sự chờ che và bao bọc: “Miền đất nắng ấm phương Nam này, vốn dĩ là mảnh đất lành để không chỉ dân chính gốc mà còn có cả lưu dân định cư lập thân và rồi cứ vậy mà gắn trọn phận mình với nơi đây. Tứ chiếng gặp nhau, mang nỗi nhớ quê nên các vị ngon cũng vì thế mà trung trở tại mảnh đất này, ngõ hầu để voi niềm thương tưởng cũng có, hoặc để góp thêm chút hương sắc vùng miền cũng có” (Tong, 2022, p.49). Còn sức nóng của thời tiết có thể được làm dịu lại với những khoảng rừng trong lòng phố nơi “những gốc cây cổ thụ có những tán lá rợp mát hết cả con đường làm cho Sài Gòn thêm lãng mạn mỗi mùa lá bay” (Nguyen, 2025, p.147). Đó chính là những hàng cây được trồng qua nhiều năm tháng trải dài khắp những con đường trong thành phố. Các tác phẩm kí một mặt phản ánh được những khía cạnh khác nhau trong diện mạo đô thị của thành phố, mặt khác thể hiện được một nhận thức rõ ràng về khả năng dung chứa và chuyển hóa tất các những khía cạnh đó trong cuộc sống nơi đây, mà cốt lõi của khả năng đó nằm ở chính cách con người mang một tâm thế cởi mở, ôn hoà để đón nhận các phương diện, dù là đối lập nhau, trong đời sống.

Trong bối cảnh hội nhập hiện đại, các tác phẩm kí TPHCM còn xây dựng nên những diễn ngôn về truyền thống thích nghi và tinh thần dân thân đầy mạnh mẽ của cư dân nơi đây. Trong kí, thành phố hiện lên không thiếu “những con người khốn khó vẫn co kéo phần lương thực hằng ngày, chất chịu nuôi dưỡng chút niềm tâm linh bé mọn” (Tran, 2021, p.209). Thành phố cũng có thể là nơi mưu sinh nhọc nhằn, nỗi buồn nhiều hơn niềm vui khi “kẻ lưu dân chọn phố thị sầm uất này làm nơi mưu sinh với đôi quang gánh chè quê nhọc nhằn cũng đã mười lăm năm. Người thì chính gốc dân Sài thành quen rồi cái ráo hoành đãi bồi vồn vã của nhịp đời. Bỗng một chiều bên hiên mưa, ngồi lại cùng nhau, kể nhau nghe những đắng đót mòn gót đời thị dân” (Tong, 2022, p.57). Nhưng vùng đất này lại mang trong huyết quản của nó một sức sống mạnh mẽ, nhanh nhạy và táo bạo, nơi sự vất vả và cả những giấc mơ khó nhọc đều có cơ hội để trở thành hiện thực. Đô thị nhiệt đới nóng nực và guồng quay mưu sinh vừa nhanh vừa vội mang đến một nghề kinh doanh từ rất sớm của người Sài Gòn, đó là nghề bán nước mía. Đây là một nghề nghiệp bình dân quen thuộc nhưng khi nhìn sâu vào sự phát triển của nó, tác giả kí nhận ra một sự kết hợp thú vị giữa kĩ năng nắm bắt thị trường và cả sự hỗ trợ của kĩ nghệ: “Chỉ có ở miền Nam mới sản xuất ra cái xe ép nước mía vì công kĩ nghệ phát triển. Té ra uống được li nước mía ép chỉ có ở thời đại máy móc, kĩ nghệ hóa chứ chẳng chơi” (Le, 2025, p.154). Cà phê và văn hóa thưởng thức cà phê từ lâu đã trở thành một sinh hoạt văn hóa thường nhật ở Sài Gòn – TPHCM. Trong các trang viết của mình, các tác giả kí đã phác họa nên một diện mạo năng động, đầy màu sắc cho nét sinh hoạt đặc sắc này của thành phố. Thành phố không thiếu những quán cà phê sang trọng, nhưng người dân vẫn có thể tìm thấy những phong vị gần gũi, mộc mạc ở những quán cà phê hẻm: “Những quán cà phê cóc “ngự” ngay đầu hẻm nhỏ để các bác già ngồi đọc báo và luận bàn thiên hạ sự. Hay có những anh nhập cư trước khi đi làm ghé quán cà phê cóc nói “nhớ quê

đứt ruột” thì cô bán cà phê ghẹo “Tối đây thì ở lại đây. Bao giờ bén rễ cây xanh mới dì” (Le, 2025, p.148). Cà phê cũng trở thành một thức uống mang tinh thần hòa nhập rộng lớn với đời sống đại chúng mà đa phần là dân lao động thông qua hình ảnh của các quán cà phê vợt ở khu Chợ Lớn với một cách thưởng thức rất riêng là uống cà phê trong đĩa: “Họ thường hay rót cà phê vào đĩa, rồi thổi phù phù, xong đưa lên mũi hít hít rồi húp cái rột, le lưỡi liếm mép, chép chép cái miệng như những tay uống rượu vang sành điệu ngày nay” (Le, 2025, p.176). Nhìn chung, từ những hoạt động tưởng như bình thường giản dị, các tác giả kí đã nhận ra được những chiều sâu văn hóa, lịch sử ẩn sau đó, âm thầm nhưng bền bỉ. Cách người Sài Gòn làm kinh tế và vận hành đời sống của họ bao giờ cũng cho thấy một sự thể hiện hiệu quả rõ nét nhưng không phải chỉ dựa vào tinh thần dám nghĩ, dám làm mà ở sự kết hợp thấu đáo và thực tế của trí tuệ, sự cầu tiến và cả một tầm nhìn khoáng đạt.

Diễn ngôn về truyền thống dân thân của người Sài Gòn luôn song hành cùng diễn ngôn về sự nghĩa hiệp và lòng trắc ẩn. Đây là sự kế thừa tinh thần hiệp nghĩa của lưu dân thời khẩn hoang, được tái cấu trúc trong bối cảnh đô thị hiện đại. Dưới lăng kính nghiên cứu văn hóa đô thị, bản sắc con người Sài Gòn – TPHCM không hiện lên như một phạm trù tĩnh tại, mà là một hệ thống giá trị được bồi đắp liên tục qua những biến cố lịch sử và xã hội. Sự dân thân và lòng trắc ẩn này đã được minh chứng rõ nét qua các diễn ngôn về sự đồng hành và sẻ chia trong những thời điểm thành phố chịu tổn thương sâu sắc nhất. Tác giả Lưu Đình Long đã khái quát hóa tinh thần này từ những trải nghiệm thực chứng đầy xúc động: “Ngay trong khó khăn, ngọn lửa tình người đó càng bốc lên mạnh mẽ. Sài Gòn thương nhau và thương cả những nỗi đau của vùng miền khác” (Luu, 2021, p.215). Ở đây, sự nghĩa hiệp đã được nâng tầm thành một giá trị đạo đức đô thị đặc thù. Nó khẳng định rằng sức mạnh của một đô thị không chỉ nằm ở những tòa tháp chọc trời hay thành tựu kinh tế mà kết tinh trong khả năng bảo tồn những vẻ đẹp nhân văn giữa giông bão thời cuộc. Tiếp nối mạch nguồn nghĩa hiệp ấy, không gian vỉa hè Sài Gòn đã được tái thiết lập thành một nơi thể hiện công khai và thường xuyên của tình yêu thương và sự sẻ chia âm thầm, thiết thực mà bền bỉ, vô tư của con người nơi đây. Nhà văn Lê Văn Nghĩa đã bóc tách một nét đẹp dung dị nhưng chứa đựng chiều sâu bản sắc của người Sài Gòn qua hình ảnh “đi dọc theo những lề đường như bốc lửa vì thiếu bóng cây xanh che mát thấy những thùng nước đá lạnh miễn phí cho người đi đường đủ kiểu dáng: thùng inox, thùng nhựa và nghèo quá thì là thùng xốp nhưng mát mẻ tình người trong cơn nắng nóng” (Le, 2025, p.151). Tác giả Tống Phước Bảo trong các trang kí của mình đã ghi lại những dòng viết đầy tính nhân bản về tình đoàn kết giữa những người xa quê: “Vài năm trở lại đây, khu công nghiệp có những chuyến xe 0 đồng chở mấy người công nhân về quê ăn Tết. [...] Đất này, người với người, thương nhau mà sống, nương nhau mà kiếm tiền. Trăm ngàn xóm nhỏ trên đất Sài thành là trăm ngàn câu chuyện. Mỗi câu chuyện là một mùa xuân” (Tong, 2024). Những chuyến xe 0 đồng qua phố ngày Tết là minh chứng cho sức mạnh chuyển hóa cộng đồng của Sài Gòn. Nó xóa nhòa đi mọi khoảng cách trong đời sống để cùng kiến tạo nên một mùa xuân chung cho mọi cư dân sống ở thành phố này. Như vậy, thông qua việc sử dụng diễn ngôn như một phương tiện kiến tạo

bản sắc, các tác phẩm kí đã khẳng định bản sắc cộng đồng của con người Sài Gòn – TPHCM chính là sự hội tụ giữa năng lực dẫn thân bền bỉ và trái tim nghĩa hiệp bất diệt, đóng vai trò nền tảng văn hóa, đạo đức giúp cư dân bảo tồn được bản sắc nội sinh trước những biến động dữ dội của kỉ nguyên toàn cầu hóa.

Một phương diện quan trọng khác của diễn ngôn về căn tính cộng đồng của cư dân thành phố chính là tính thực tế, không câu nệ hình thức. Người Sài Gòn coi trọng sự chân thành nội tâm hơn là các quy ước lễ nghi sáo rỗng. Dưới lăng kính của kí TPHCM, bản sắc của chủ thể đô thị tại đây không được định nghĩa qua sự hoa mỹ của diện mạo bên ngoài mà thông qua tính thực tế trong sinh hoạt và tư duy. Điều này tạo nên một hệ giá trị đặc thù, nơi sự tiện lợi và cảm giác thoải mái của cá nhân được đặt lên hàng đầu. Diễn ngôn về sự giản đơn này được thể hiện rõ nét qua các quan sát về lối sống thường nhật: “Đến cái ăn ở. Ăn uống rất dễ dàng. Có bao nhiêu ăn bấy nhiêu, hoàn toàn theo ý muốn và túi tiền. Người ta không vì bộ cánh mà phải ăn uống bất đắc dĩ” (Pham, 2019, p.174). Ở chiều sâu, tính thực tế này không chỉ dừng lại ở sự tùy nghi trong sinh hoạt mà đã chuyển hóa thành một nhận thức về bản sắc của con người đô thị nơi đây, góp phần thúc đẩy sự phát triển năng động của thành phố. Người Sài Gòn còn có lối sống phóng khoáng và rộng rãi, coi trọng cả sự kiếm tiền và hưởng thụ đến nơi đến chốn, hợp lúc hợp việc chứ không hoang phí: “Sài Gòn thu hút người chỗ khác đến vì “đức xài tiền” (...) Dân xứ này lại ham cái mới, ti vi mới ra là mua ngay, tủ lạnh mới có là muốn dùng. Họ ham công nghệ mới, cái gì cũng muốn thử, muốn tận hưởng, họ xài tiền, họ không chịu để dành. Mình nhay thì mình làm ăn buôn bán với họ, mình mau giàu.” (Pham, 2022, p.150). Chính cái “đức xài tiền” này đã trở thành một xung năng quan trọng cho sự vận động của thị trường và đặc biệt là cơ chế hội nhập văn hóa cho các cộng đồng mới. Như vậy, tính thực tế và sự phóng khoáng trong tiêu dùng không chỉ là đặc điểm tính cách mà đã trở thành một chiến lược văn hóa giúp xóa nhòa khoảng cách giữa người cũ và người mới, tạo nên một cộng đồng cư dân luôn vận động, nhạy bén và tràn đầy nội lực giữa lòng thành phố.

Tiến trình hội nhập trong kí TPHCM còn được thể hiện như một câu chuyện dài về sự gắn kết hài hòa với những kí ức xưa làm nên vẻ đẹp của các chiều kích lịch sử, góp phần làm nên diện mạo hoàn chỉnh của một vùng đất tuy mới nhưng giàu bản sắc và chiều sâu văn hóa. Diễn ngôn về sự hội nhập của cư dân tại Sài Gòn – TPHCM không đơn thuần là sự cộng cư mà là quá trình chuyển hóa sâu sắc về tâm thức, nơi các lằn ranh khu biệt dần bị xóa nhòa để kiến tạo nên một căn tính cộng đồng bao dung và năng động. Trước hết, sự dung hợp này được phản ánh qua những biến chuyển trong quan hệ xã hội và sự thích nghi của các nhóm cư dân đa dạng:

Câu chuyện hội nhập vào cuộc sống Sài Gòn là một câu chuyện dài nhiều tập, nhiều chương. Trong đó, có nước mắt, có sự rộng rãi bao dung và cũng có những kì thị, ganh ghét và thậm chí là sự phân biệt “ngược”, người mới đến chê dân địa phương, thậm chí không gả con cho người địa phương. Phản ứng với tập quán sống khác bản chất, có những gia đình co cụm, bảo thủ và chỉ sinh hoạt, cưới gả trong cộng đồng nhỏ cùng hoàn cảnh. Tuy nhiên, qua thời gian

và yêu cầu của cuộc sống một đô thị lớn, tính bảo thủ bị pha loãng dần, sự chấp nhận lẫn nhau ngày càng mạnh mẽ và người ta tìm cách dung hòa những dị biệt, hợp lực với nhau xây dựng cuộc sống yên ổn hơn. Dù sao, họ phải tìm ra cho được điều xứng đáng khi dứt áo rời bỏ quê hương bản quán ra đi. (Pham, 2022, p.158)

Diễn ngôn này cho thấy quy luật vận động tất yếu của một đô thị đa văn hóa ở chỗ áp lực của sự phát triển và nhu cầu cộng sinh đã buộc các định kiến bảo thủ phải nhường chỗ cho tinh thần hòa hợp, biến những cá nhân từ mọi miền đất nước trở thành những chủ thể gắn thân vì một “quê hương” chung. Bên cạnh đó, các không gian cửa ngõ của thành phố, chẳng hạn như sân bay, cũng được xây dựng như những không gian phản ánh niềm tin và sự kết nối: “Trong lá thư những người bạn viết về vẫn hỏi thăm về Tân Sơn Nhất, ai cũng mong mỗi ngày về để gặp lại, để được ấm áp trong vòng tay của những người thân. Có nước mắt và cả những nụ cười. Ai cũng nhớ Tân Sơn Nhất và Việt Nam. Họ nói Tân Sơn Nhất là phi trường dễ thương nhất, đặc biệt nhất mà bên xứ họ chẳng bao giờ có” (Nguyen, 2025, p.164). Phi trường Tân Sơn Nhất, qua diễn ngôn, đã trở thành một nơi chốn kí ức được kiến tạo sự gắn kết giữa người xa xứ với cội nguồn văn hóa. Bản sắc đô thị còn được lưu giữ bên bờ qua những không gian vật chất mang tính trầm tích lịch sử, nơi kí ức cá nhân hòa quyện vào dòng chảy chung của thành phố: “Còn bây giờ, khu Dân Sinh đã trở về đúng thiên chức của nó là một cái chợ chuyên bán nhiều hàng hóa made in China và CCCP (Liên Xô) ngày xưa ăn bo bo ấy. Một cái chợ ôi thôi rất hiền của quận Nhứt. Ngoài ra, cũng còn rơi rớt lại một vài hàng chuyên bán đồ cũ, đồ xưa. Hay nhất là vẫn còn bán quần áo quân trang và giày “bốt” kiêu hùng, huyền thoại. Một cái chợ dành cho những người tìm lại kỉ niệm xưa để mà hoài niệm chút thanh xuân rơi rớt như kẻ hèn này một ông già không còn trẻ nữa” (Le, 2021, p.109). Chợ Dân Sinh như một “kho tàng” bảo tồn các mã văn hóa nội sinh. Chính sự hiện diện của những món đồ cũ như những dấu ấn huyền thoại đã xa giúp cư dân đô thị tìm thấy sự liên tục của bản sắc giữa nhịp sống hiện đại hối hả, tạo nên một diện mạo Sài Gòn vừa năng động hội nhập, vừa sâu lắng những tầng bậc kí ức nhân văn.

Bản sắc không phải bao giờ cũng ổn định mà có thể biến đổi. Diễn ngôn về bản sắc không chỉ hướng đến việc khám phá các phương diện tạo nên giá trị nền tảng của một cộng đồng, nó còn hướng đến nhận diện những khía cạnh đang vận động, chuyển hóa có thể dẫn đến những thay đổi nội tại trong bản sắc. Từ góc độ này có thể nhận thấy trong kí TPHCM không chỉ thể hiện những nền tảng văn hóa làm nên căn tính độc đáo của con người nơi đây qua suốt những chặng đường lịch sử nhiều biến động mà còn chỉ ra những “vết rạn” trong căn tính cộng đồng dưới tác động của quá trình hiện đại hóa đô thị nhanh chóng. Trước hết, sự chuyển dịch từ cấu trúc không gian truyền thống sang mô hình siêu đô thị đã tạo ra những sang chấn về mặt tâm lí, làm nảy sinh diễn ngôn về sự cô độc và lạc lõng giữa đám đông. Bản sắc truyền thống của người Sài Gòn vốn được nuôi dưỡng bởi sự kết nối nghĩa tình rộng mở nay phải đối mặt với trạng thái chênh vênh khi con người bị vây hãm bởi nhịp sống công nghiệp lạnh lùng: “Ở Sài Gòn, người ta gửi gắm nhiều thứ. Gửi mộng, gửi tình, gửi những tâm tư chênh vênh vào giữa lòng phố thị ồn ào. Có kẻ lang thang vô định trên vỉa hè biết bao

cung đường khi hoàng hôn, nhìn vệt nắng chiều tà đổ trên những tòa nhà cũ kĩ mà lòng chơi vơi như áng mây lững lờ trên bầu trời. Có kẻ ngồi khóc nức nở một mình ở công viên Notre Dame cổ kính của Sài thành, giấu đi những tiếng nấc nghẹn nơi còi xe ồn giữa ngã ba đường đông người qua kẻ lại” (Vu, 2021, p.271). Điều này là minh chứng cho thấy hình mẫu đô thị hiện đại của thành phố không còn là một không gian mang tính kết nối, dung hòa mà là nơi nổi đau của cá nhân bị nuốt chửng bởi sự ồn ã vô diện của phố thị. Song hành với đó, diễn ngôn kí còn bóc tách sự biến dạng của các hình thái thực hành văn hóa dưới tác động của công nghệ số, làm đứt gãy sự giao lưu trực tiếp giữa người với người. Ngay cả trong không gian quán xá – vốn là nơi hội tụ của sự hàn huyên, gắn kết – nay lại trở thành những “không gian phi nơi chốn” nơi con người ẩn danh sau màn hình thiết bị điện tử: “Thời đại @ có những quán cà phê máy lạnh, wifi đầy đủ. Mỗi “âm khách” vào quán, kê một li cà phê đá, mở laptop rồi cắm đầu vào chát chít, ngồi suốt cả buổi. Với họ li cà phê chỉ là để mua chỗ ngồi, mua wifi miễn phí chứ chẳng phải hưởng thi vị của cà phê. Tội thay cái hạt đen tuyền, hương thơm em phải phí hoài vì cái... smart phone!” (Le, 2025, p.149). Đặc biệt, sự biến đổi của cấu trúc hẻm từ không gian cộng sinh, quản tụ sang không gian biệt lập là chỉ dấu rõ nhất cho sự rạn nứt căn tính cộng đồng. Điều đó thể hiện qua việc kí ghi nhận sự mất mát của tình làng nghĩa xóm trước áp lực của sự tiện nghi và thực dụng:

Từ những toan tính hợp lí, bảng treo bán nhà mọc lên liên tiếp, những căn nhà cũ cửa sổ lá sách, mái tôn dần biến mất, nhường chỗ cho nhà lầu cao tầng, trang trí đẹp từ trong ra ngoài. Cửa sổ kéo rèm, cửa cổng lưới kín mít. Những tiếng cãi vã của cư dân cố cựu không còn nữa. Người mới đến không có nhu cầu giao tiếp với hàng xóm, trẻ con đi học về chỉ chơi trong nhà, không quen biết với con nít sát vách nhà mình. Ngày lễ vắng đến nao lòng khu hẻm nhỏ, không có ai ngồi trên mấy cái ghế đá dọc những bức tường. (Pham, 2022, p.36)

Thêm vào đó, sự đào thải của đời sống kinh tế thị trường cũng làm phai nhạt những hình bóng thân thuộc vốn làm nên diện mạo đời sống phản ánh thời kì đầu mở cửa kinh tế thị trường của thành phố: “Bây giờ họ ở đâu? Chợ di động là thế! Chỉ xuất hiện một thời gian rồi thay vào đó là khuôn mặt mới khi người cũ đã già, không còn đi lại được nữa” (Nguyen, 2017, p.211). Sự đào thải nghiệt ngã của đời sống đô thị đã được thể hiện qua sự biến mất của những “chợ di động” và những tiếng rao hàng quen thuộc gắn liền với cư dân một thời. Như vậy, diễn ngôn kí không chỉ ca ngợi bản sắc mà còn can đảm nhìn thẳng vào quá trình tan rã của những giá trị cũ để chất vấn về một căn tính đô thị mới đang hình thành giữa những xao động của thời đại.

### 3. Kết luận

Các tác phẩm kí viết về Sài Gòn – TPHCM trong 25 năm đầu thế kỉ XXI đã khẳng định vai trò của văn học trong việc kiến tạo và định hình bản sắc đô thị đa diện. Các sáng tác này đã thể hiện rõ nét bản sắc văn hóa đô thị tại đây là một cấu trúc năng động, được dệt nên từ sự chuyển hóa liên tục giữa các di sản kiến trúc đầy hoài niệm và cảnh quan đô thị hiện đại. Trong đó, hệ sinh thái đô thị bao gồm chợ, vỉa hè và hẻm nhỏ được nhận diện như những bảo tàng sống và kháng thể văn hóa hữu hiệu, giúp thành phố duy trì linh hồn riêng biệt

trước áp lực đô thị hóa làm biến đổi sâu sắc cảnh quan văn hóa của thành phố. Đồng thời, diễn ngôn văn học trong các tác phẩm kí đã thành công trong việc định vị một căn tính mở cho cộng đồng cư dân nơi đây qua sự dung hợp giữa tinh thần nghĩa hiệp truyền thống và tư duy thực tiễn Nam Bộ, tạo nên sức mạnh chuyển hóa và hội nhập mạnh mẽ. Con người đô thị Sài Gòn hiện lên với năng lực dần thân bền bỉ nhưng luôn tràn đầy lòng trắc ẩn, biến những giá trị nhân văn thành nền tảng đạo đức để bảo tồn bản sắc nội sinh giữa dòng chảy toàn cầu hóa. Tuy nhiên, các tác phẩm này cũng can đảm bóc tách những mặt trái của đời sống đô thị, nơi nổi cô độc và sự đứt gãy kết nối xã hội hiện hữu như hệ quả tất yếu của quá trình đô thị hóa dồn dập. Nhìn chung, các sáng tác kí TPHCM không chỉ bảo tồn các mã văn hóa truyền thống mà còn kiến tạo một điểm tựa căn tính vững chãi, giúp chủ thể đô thị định vị bản thân một cách nhân văn và bản lĩnh trong kỉ nguyên hiện đại hóa đầy cơ hội lẫn biến động.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Nguồn ngân sách khoa học và công nghệ trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh trong đề tài mã số CS.2024.19.63.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Augé, M. (1995). *Non-places: Introduction to an anthropology of supermodernity* (J. Howe, Trans.). Verso.
- Gia, B. (2021). Phố của ta thời trẻ [The streets of our youth]. In Various Authors, *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.273-281). The Gioi Publishing House.
- Le, N. (2021). Niềm kiêu hãnh trong trái tim cô gái Sài Gòn chính hiệu [Pride in the heart of a true Saigonese girl]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.175-183). The Gioi Publishing House.
- Le, V. N. (2021). *Sài Gòn: Những mảnh ghép rời kí ức [Saigon: Scattered fragments of memory]*. Tre Publishing House.
- Le, V. N. (2025). *Saigon: A journey through memory [Sài Gòn đi qua kí ức]*. Tre Publishing House.
- Lieu, H. T. (2021). Thăm phố [Roaming the streets]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.243-246). The Gioi Publishers.
- Luu, D. L. (2021). Sài Gòn dễ thương của tôi [My lovely Saigon]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp. 212-216). The Gioi Publishing House.
- Mills, S. (1997). *Discourse*. Routledge.
- Nguyen, N. H. (2017). *Sài Gòn: Kí ức vượt thời gian [Saigon: Memories beyond time]*. Literature Publishing House.
- Nguyen, T. N. (2025). *Sài Gòn ngày tháng cũ [Saigon in days gone by]*. Vietnam's Women Publishing House.
- Pham, C. L. (2019). *Những bức tranh phù thế [Paintings of the floating world]*. Culture and Arts Publishing House.

- Pham, C. L. (2022). *Hồn đô thị [The urban soul]*. The Gioi Publishing House.
- Phuc, T. (2021). Hà Nội – Sài Gòn, hai cô “con gái rượu” của nước Việt [Hanoi & Saigon: Vietnam’s two beloved daughters]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.7-13). The Gioi Publishing House.
- Tong, P. B. (2022). *Biết vọng cố hương, biết thương xứ mình [To yearn for home, to cherish the homeland]*. Writers Association Publishing House.
- Tong, P. B. (2024, February 14). *Những chuyến xuân qua [Journeys through spring]*. Lao Dong Newspaper. <https://laodong.vn/xa-hoi/nhung-chuyen-xuan-qua-1302432.ldo>
- Thai, H. (2021). Sài Gòn trăm thứ “dễ” [Saigon: A hundred shades of “easy”]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.247-251). The Gioi Publishing House.
- Tran, L. S. Y. (2021). Gặp lại Sài Gòn [Reuniting with Saigon]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.205-211). The Gioi Publishing House.
- Tran, V. T. (2024). *Văn học như một diễn ngôn [Literature as a discourse]*. University of Education Publisher.
- Vu, P. T. (2021). Kẻ si tình phố thị [The city’s devoted lover]. In *Nhớ Hà Nội, thương Sài Gòn [Remembering Hanoi, loving Saigon]* (pp.266-272). The Gioi Publishing House.

---

**DISCOURSE ON SAIGON’S URBAN IDENTITY IN HO CHI MINH CITY KÍ  
DURING THE FIRST 25 YEARS OF THE 21ST CENTURY**

**Pham Thi Thuy Trang\*, Dam Anh Thu**

*Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam*

*\*Corresponding author: Pham Thi Thuy Trang – Email: trangptt@hcmue.edu.vn*

*Received: March 18, 2026; Revised: April 09, 2026; Accepted: May 25, 2026*

**ABSTRACT**

*This article focuses on exploring the process of constructing Saigon’s urban identity through the lens of discourse in Ho Chi Minh City’s kí during the first quarter of the 21st century. Drawing on Michel Foucault’s theoretical framework, the study decodes how these works operate as a discursive system that interprets reality and shapes place identity. Research findings indicate a profound transformation between nostalgic architectural heritage and modern landscapes, the pivotal role of community space networks, and the emergence of “non-places.” Regarding the human dimension, the discourses within these memoirs have constructed an open identity based on the fusion of traditional chivalrous spirit and Southern pragmatic thinking. Consequently, they both celebrate the power of community transformation through humanistic values and dissect the cultural dislocations within industrial society. The article demonstrates that literary memoirs not only fulfill the mission of heritage preservation but also establish a firm identity anchor, helping urban subjects position themselves with resilience and humanity in a volatile era of modernization.*

**Keywords:** discourse; Ho Chi Minh City; kí; Saigon; urban identity